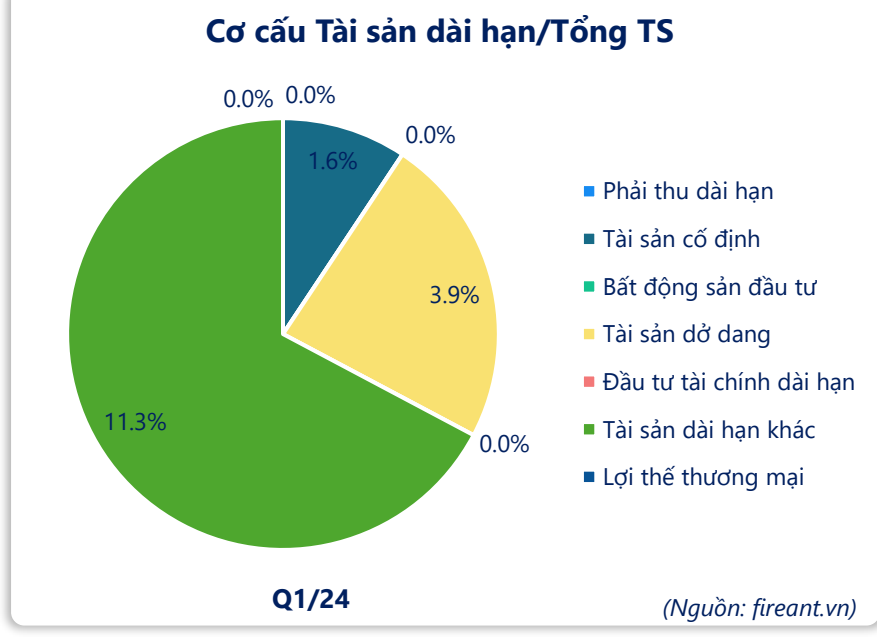
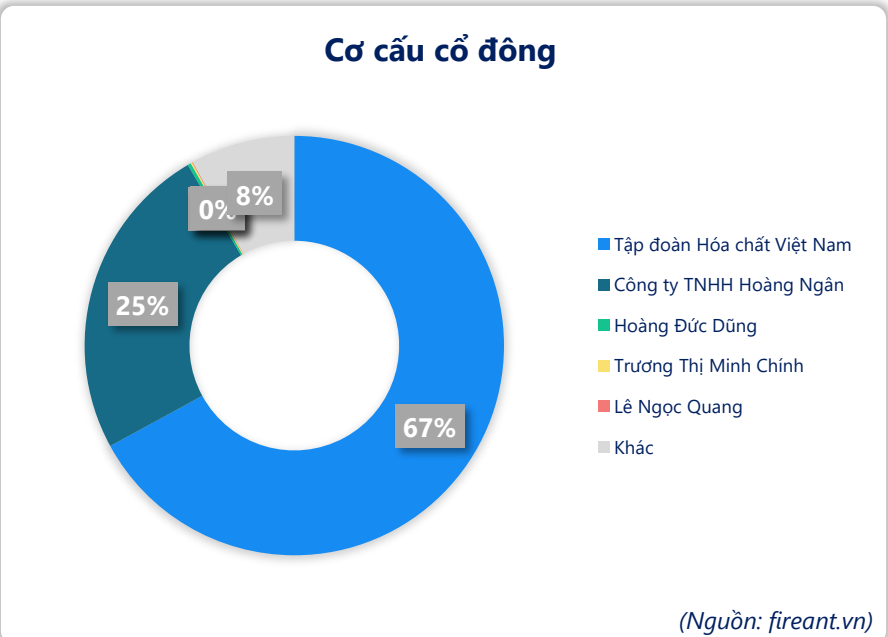
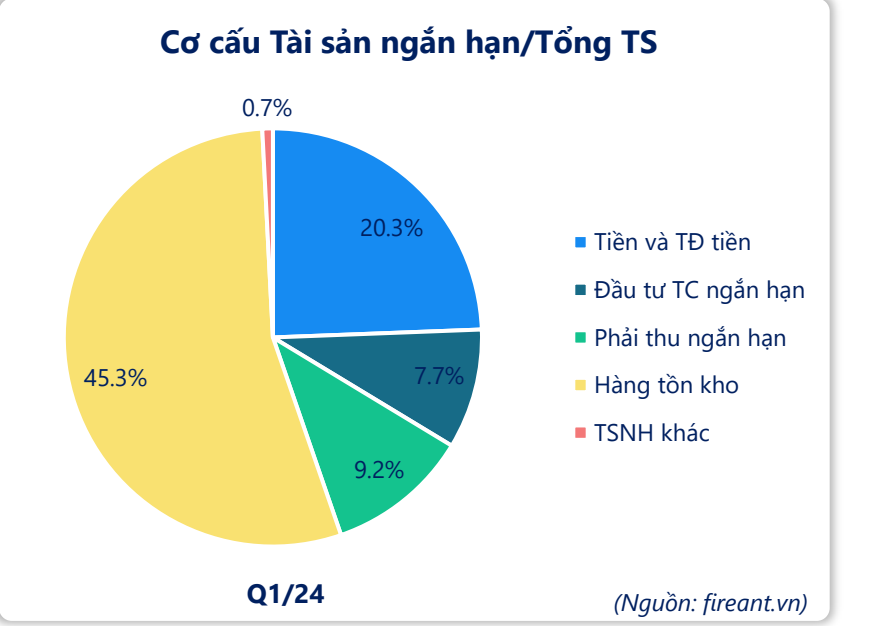
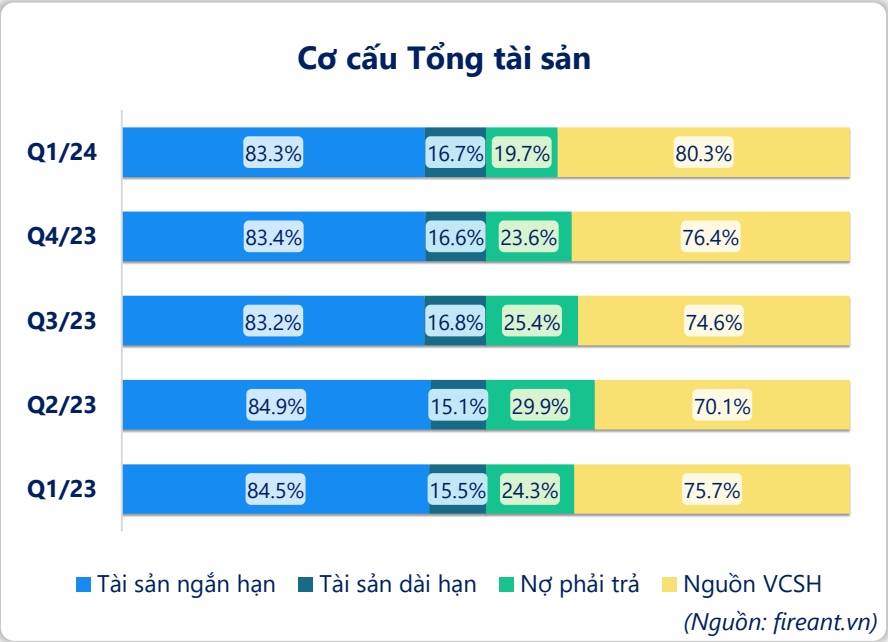
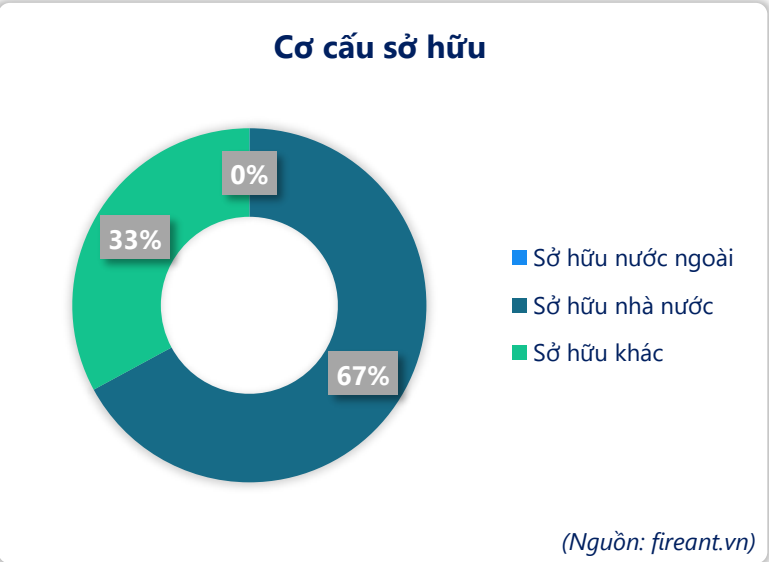
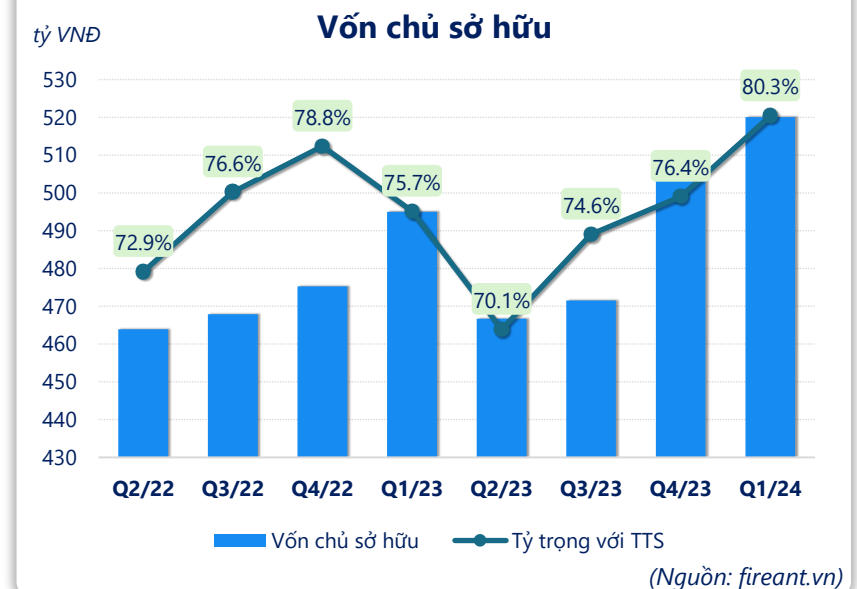
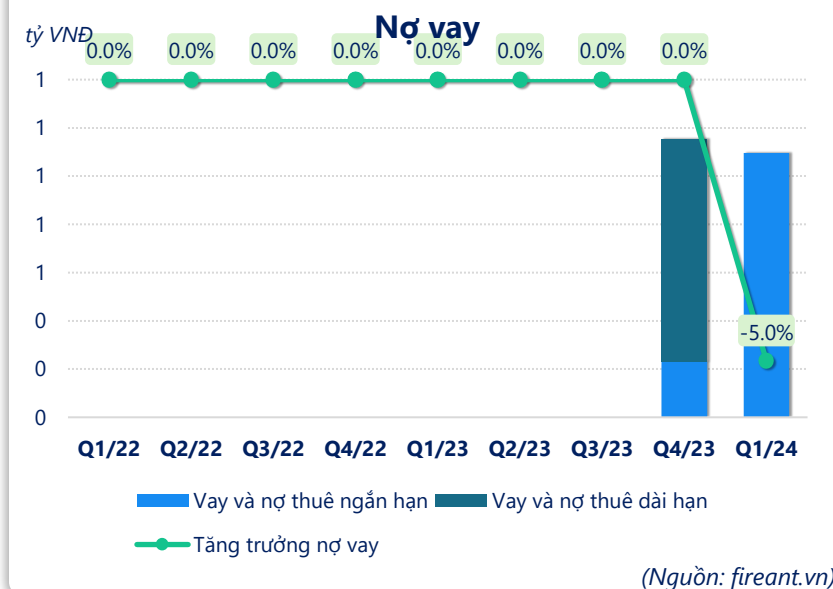
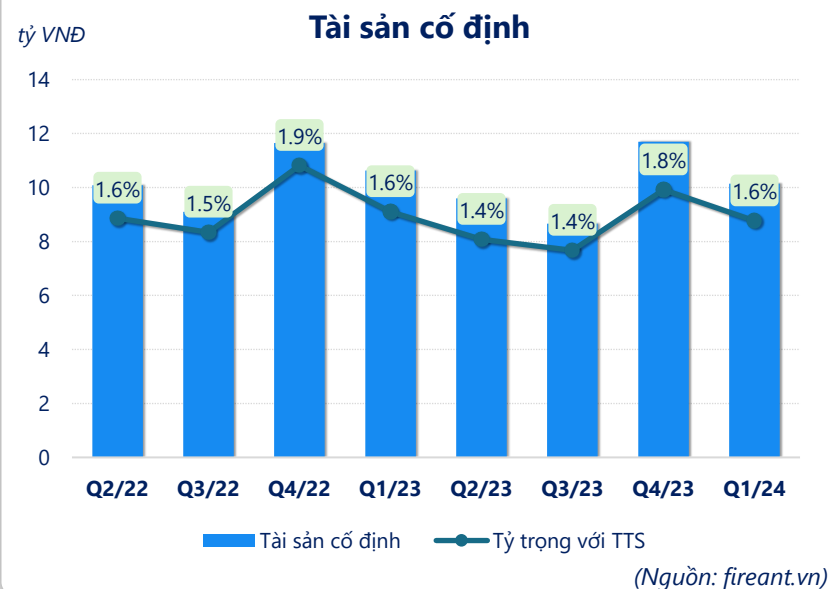
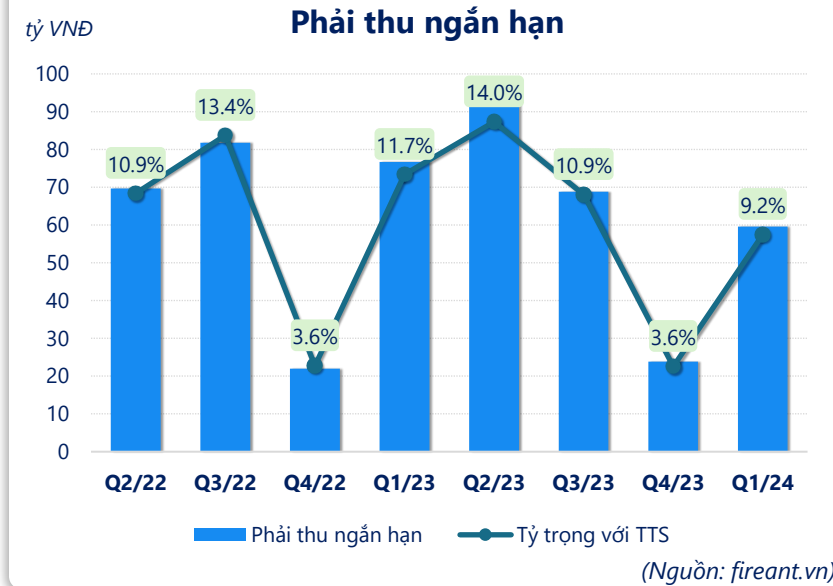
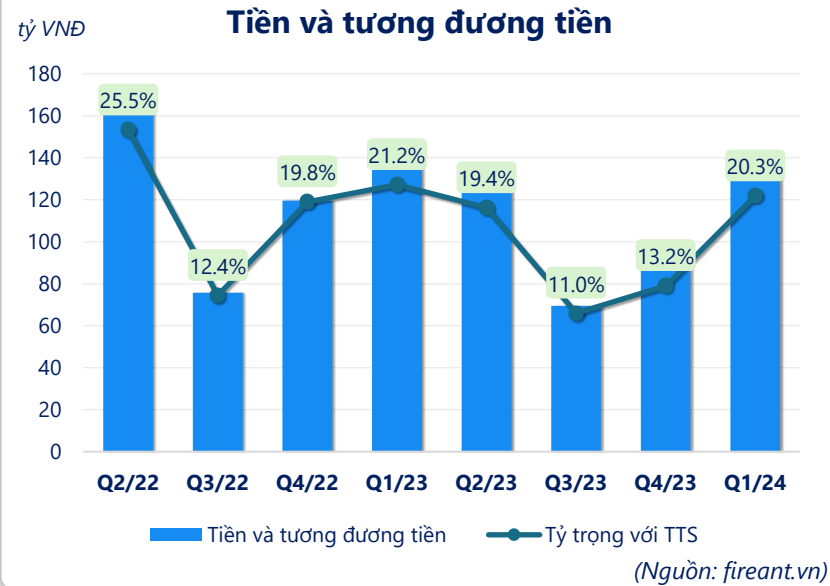
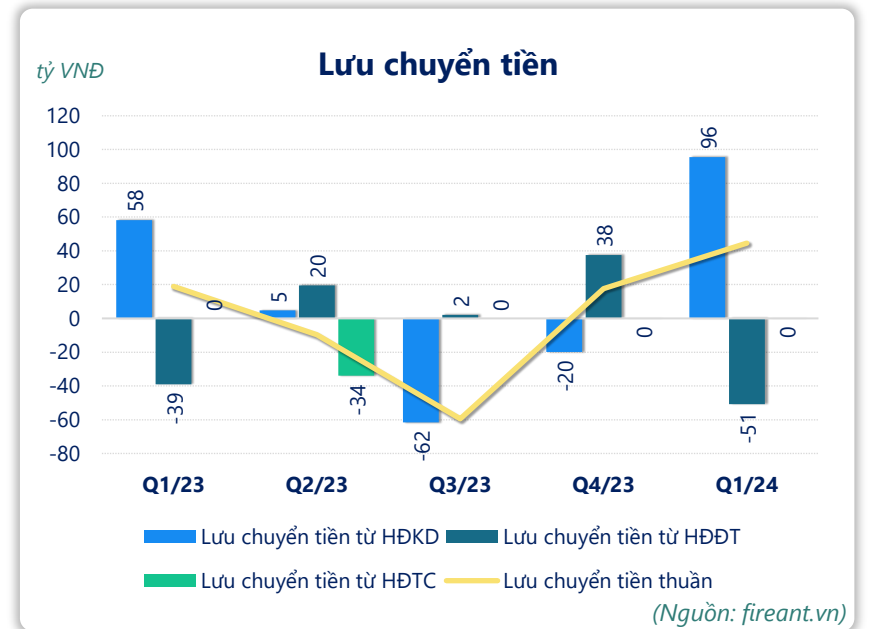
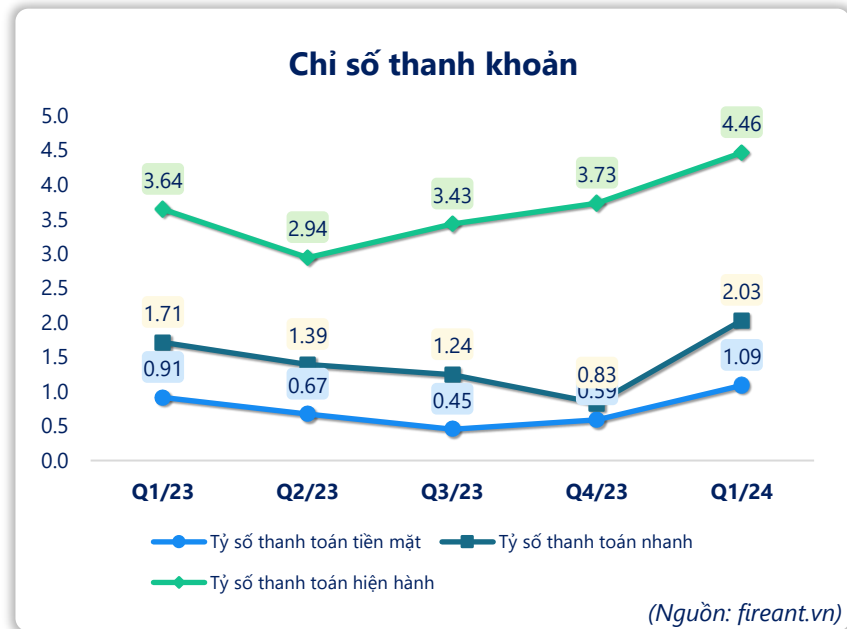
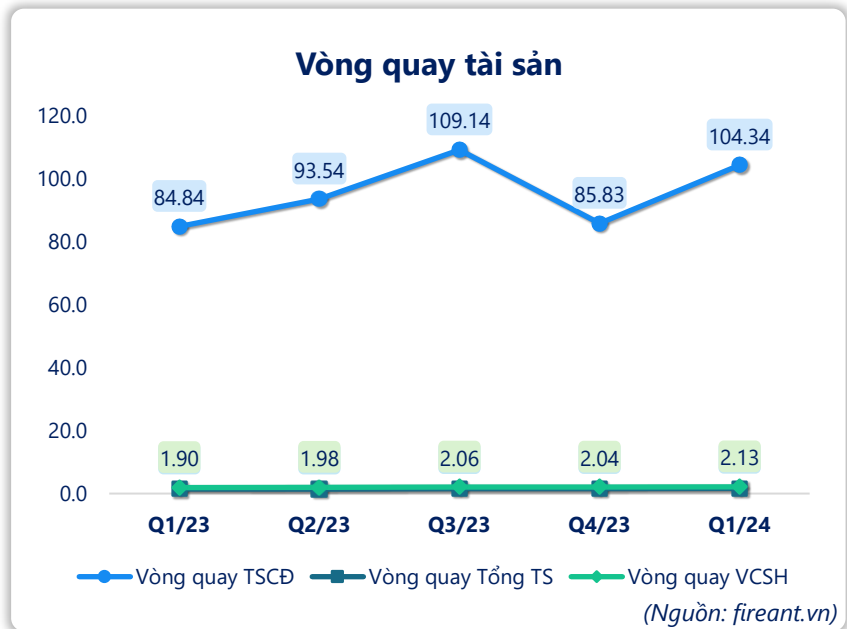
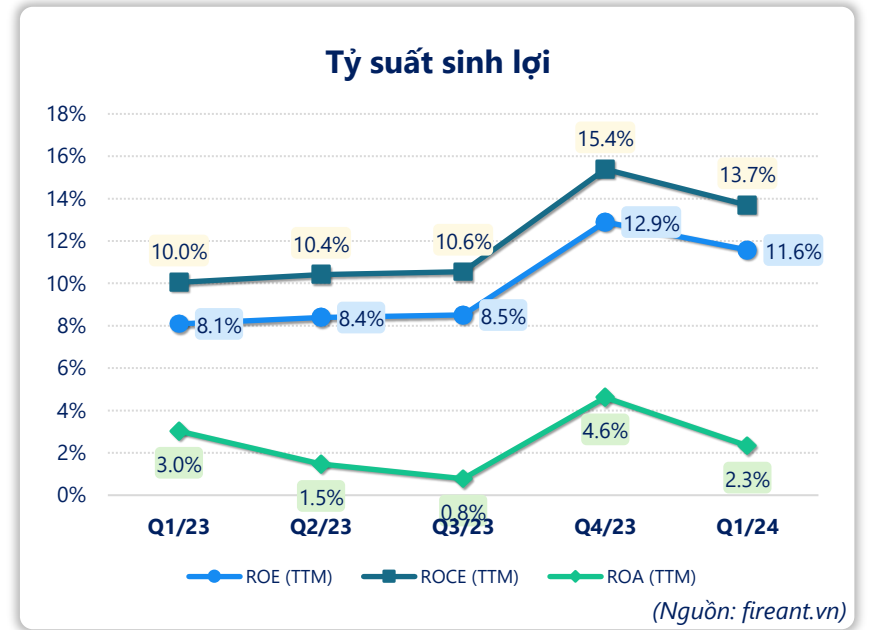
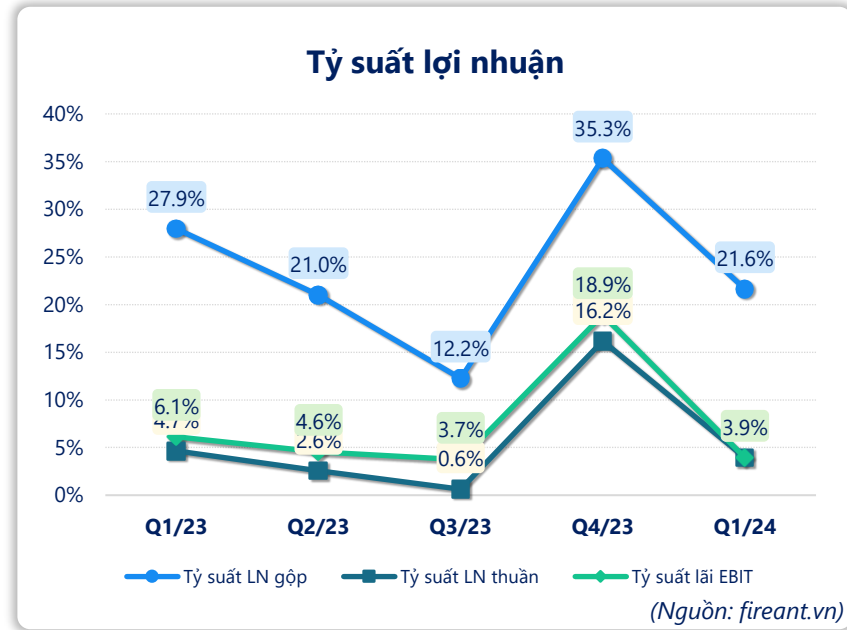
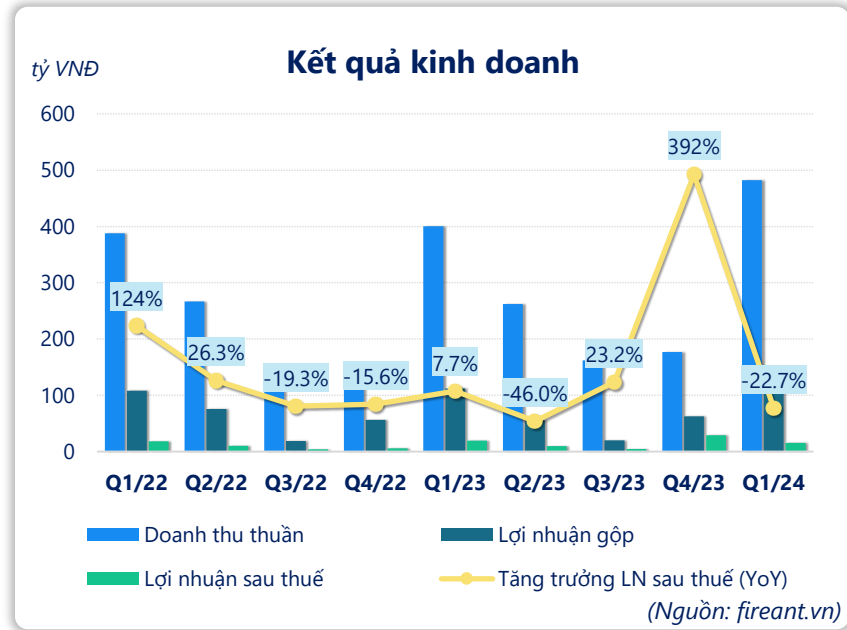


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		15,150
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,784
SL cổ phiếu LH		37,665,348
KLGD BQ 20 phiên (CP)		6,390
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		571
P/E		9.7
EPS		1,560

	YTD	1T	3T	6T
VAF	8.2%	10.6%	24.7%	32.9%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	648	661	-1.9%
Tài sản ngắn hạn	539	551	-2.1%
Tiền và tương đương tiền	132	87.1	51.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.0	0	
Phải thu ngắn hạn	59.6	23.8	150%
Hàng tồn kho	294	428	-31.4%
Tài sản ngắn hạn khác	4.39	12.1	-63.7%
Tài sản dài hạn	109	109	-0.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	10.1	11.7	-13.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	25.4	24.5	3.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	73.0	73.1	-0.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	128	156	-17.9%
Nợ ngắn hạn	121	148	-18.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.10	0.23	375%
Phải trả người bán ngắn hạn	51.3	44.3	16.0%
Nợ dài hạn	7.00	7.92	-11.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.92	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	520	505	3.0%
Vốn chủ sở hữu	520	505	3.0%
Vốn điều lệ	377	377	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	400	262	162	177	482
Giá vốn hàng bán	288	207	142	114	378
Lợi nhuận gộp	112	55.0	19.9	62.5	104
Doanh thu HĐTC	0.96	1.70	1.36	0.76	1.37
Chi phí TC	0.83	0.39	0.39	1.03	1.16
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	76.4	39.0	8.95	36.7	74.1
Chi phí QLDN	17.0	10.6	10.9	-3.08	11.4
LN thuần từ HĐKD	18.6	6.72	1.02	28.6	19.0
Lợi nhuận khác	5.93	5.23	5.03	4.82	0.00
LN trước thuế	24.6	12.0	6.05	33.4	19.0
Lợi nhuận sau thuế	19.7	9.57	4.84	29.1	15.2
LNST của CĐ cty mẹ	19.7	9.57	4.84	29.1	15.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	58.1	4.73	-61.6	-20.0	95.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-39.1	19.5	2.12	37.6	-50.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-33.9	0	0.00	-0.06
Tiền đầu kỳ	120	139	129	69.5	87.1
Lưu chuyển tiền thuần	19.0	-9.65	-59.5	17.6	44.6
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.03	0.01	0.01	0	-0.08
Tiền cuối kỳ	139	129	69.5	87.1	132

(Nguồn: fireant.vn)